

1- Download Ubuntu 16

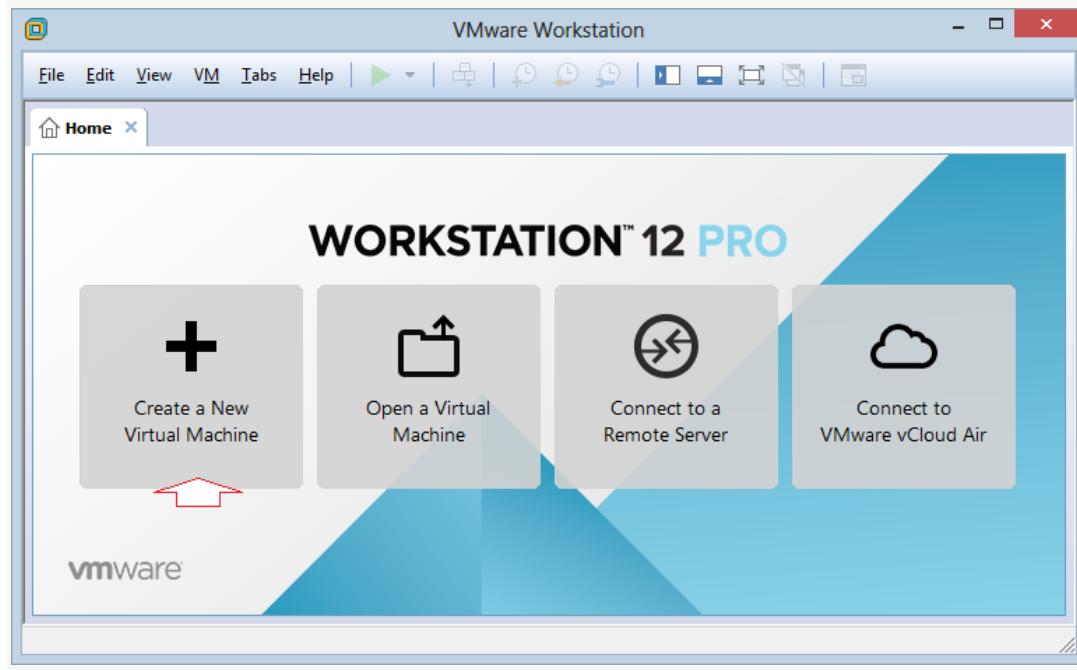
Để download **Ubuntu Server** bạn vào địa chỉ:

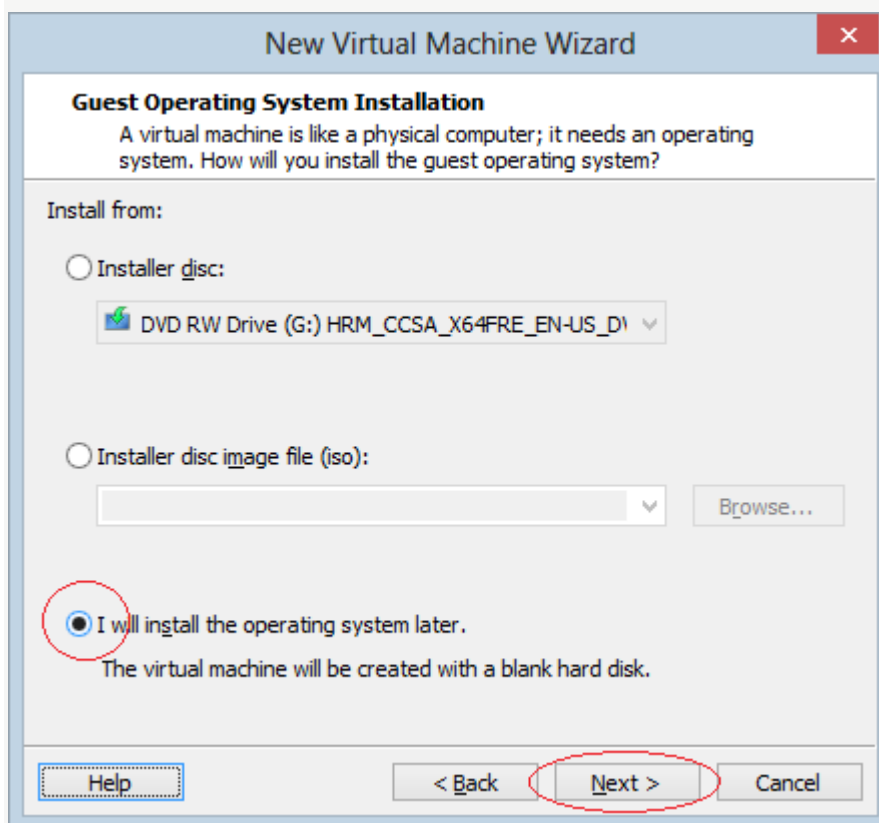
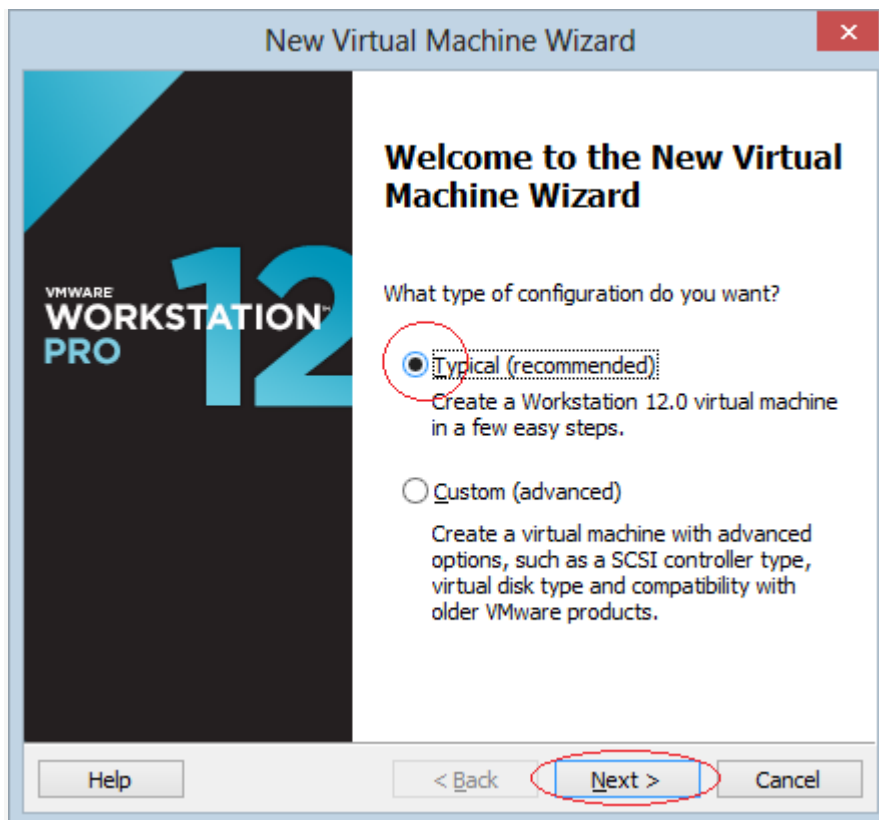
- <https://www.ubuntu.com/download/server>

Ghi nhớ đường dẫn lưu file **.ISO**

3- Cài đặt Ubuntu Server trên VmWare

Trong hướng dẫn này tôi cài đặt **Ubuntu Server** lên **VmWare** phiên bản 12.





New Virtual Machine Wizard

Select a Guest Operating System
Which operating system will be installed on this virtual machine?

Guest operating system

☐ Microsoft Windows

☒ Linux

☐ Novell NetWare

☐ Solaris

☐ VMware ESX

☐ Other

Version

Ubuntu 64-bit

Help < Back Next > Cancel

Đặt tên cho máy ảo và chọn vị trí cài đặt.

New Virtual Machine Wizard

Name the Virtual Machine
What name would you like to use for this virtual machine?

Virtual machine name:

Ubuntu 64-bit

Location:

F:\VmWare\Ubuntu 64-bit

Browse...

The default location can be changed at Edit > Preferences.

< Back Next > Cancel

Tiếp theo bạn cần chỉ định dung lượng ổ cứng cấp cho **Ubuntu**. Ở đây tôi đặt là **45GB**.

New Virtual Machine Wizard

Specify Disk Capacity
How large do you want this disk to be?

The virtual machine's hard disk is stored as one or more files on the host computer's physical disk. These file(s) start small and become larger as you add applications, files, and data to your virtual machine.

Maximum disk size (GB):

Recommended size for Ubuntu 64-bit: 20 GB

☐ Store virtual disk as a single file

☒ Split virtual disk into multiple files

Splitting the disk makes it easier to move the virtual machine to another computer but may reduce performance with very large disks.

Help < Back **Next >** Cancel

New Virtual Machine Wizard

Ready to Create Virtual Machine
Click Finish to create the virtual machine. Then you can install Ubuntu 64-bit.

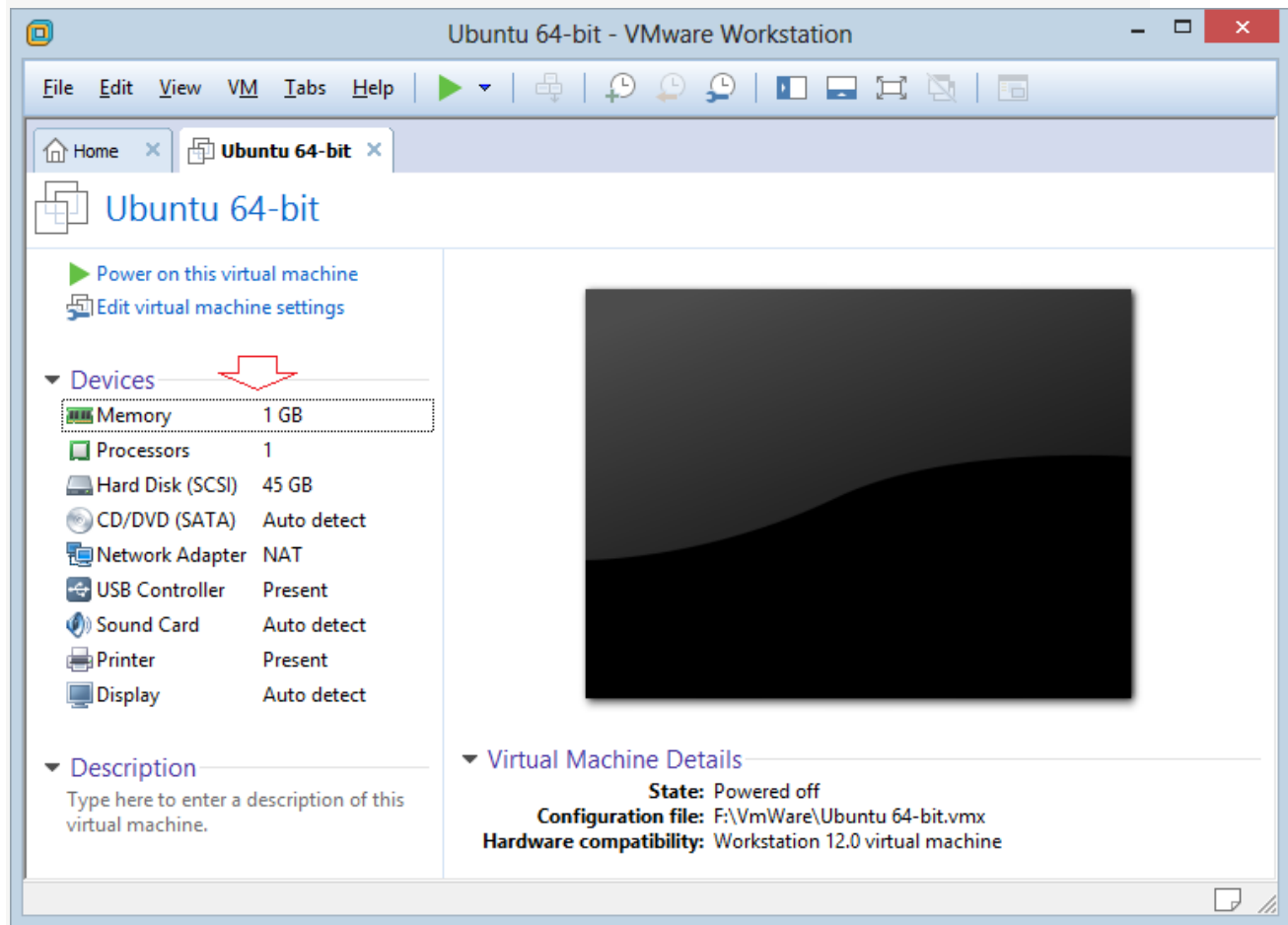
The virtual machine will be created with the following settings:

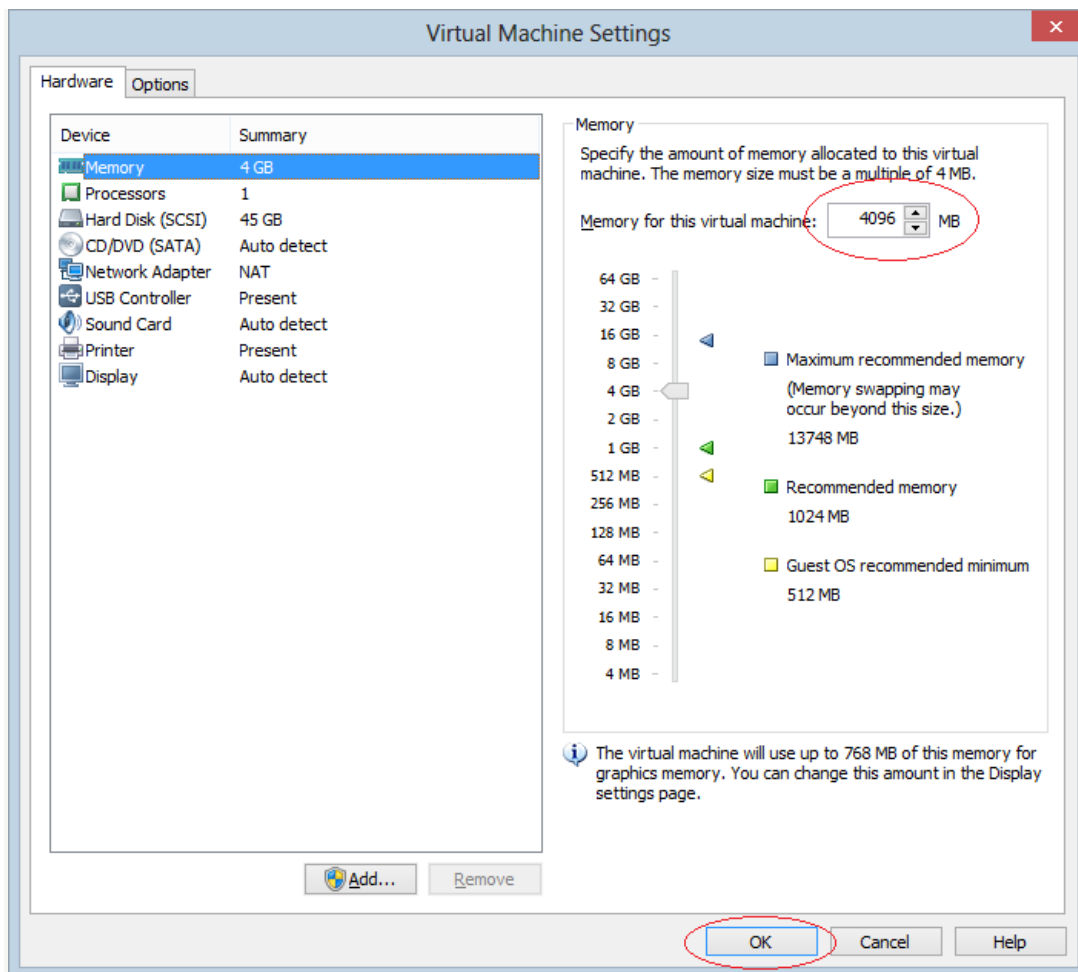
Name:	Ubuntu 64-bit
Location:	F:\VmWare
Version:	Workstation 12.0
Operating System:	Ubuntu 64-bit
Hard Disk:	45 GB, Split
Memory:	1024 MB
Network Adapter:	NAT
Other Devices:	CD/DVD, USB Controller, Printer, Sound Card

[Customize Hardware...](#)

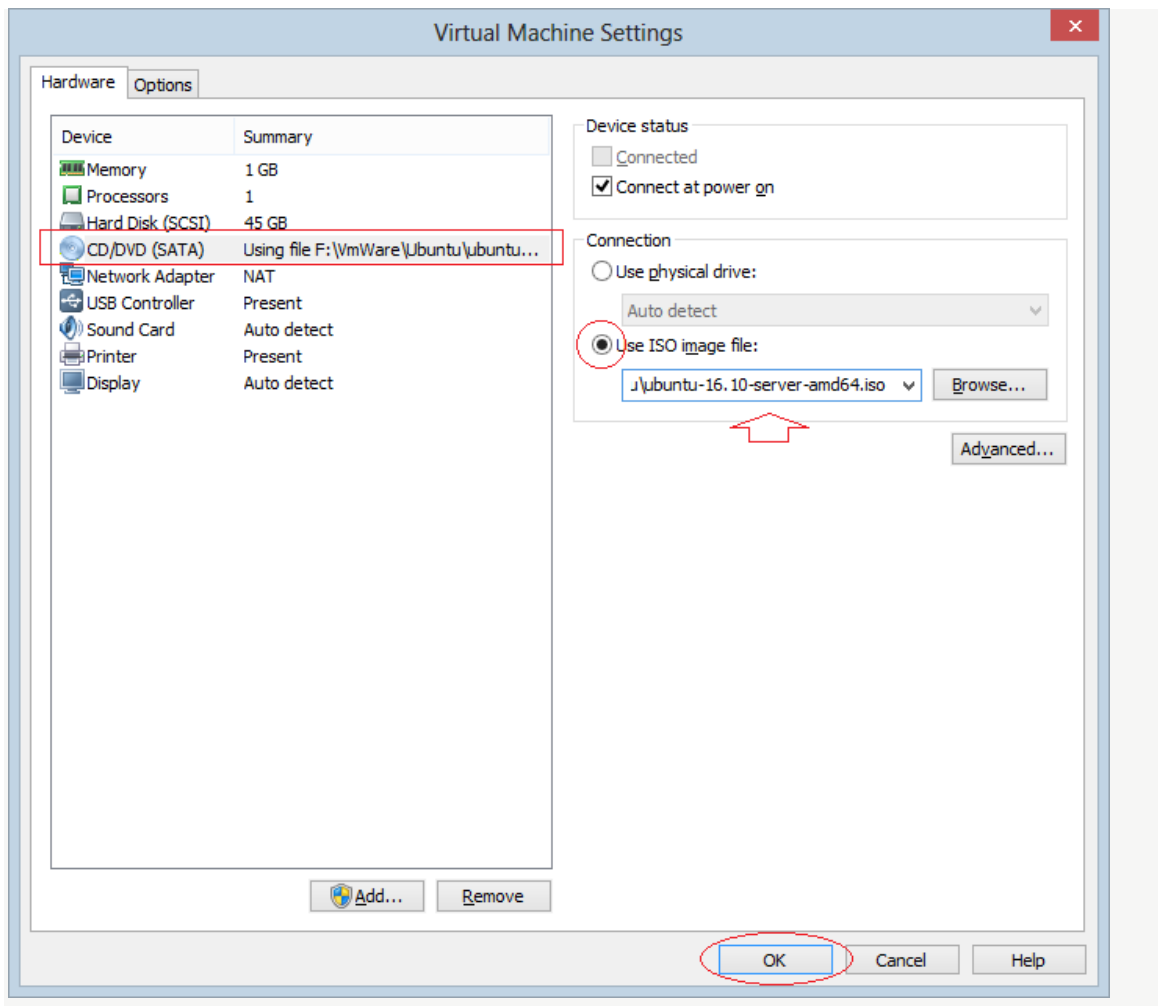
< Back **Finish** Cancel

Bạn có thể hiệu chỉnh số lượng **RAM** cấp cho **Ubuntu Server**:

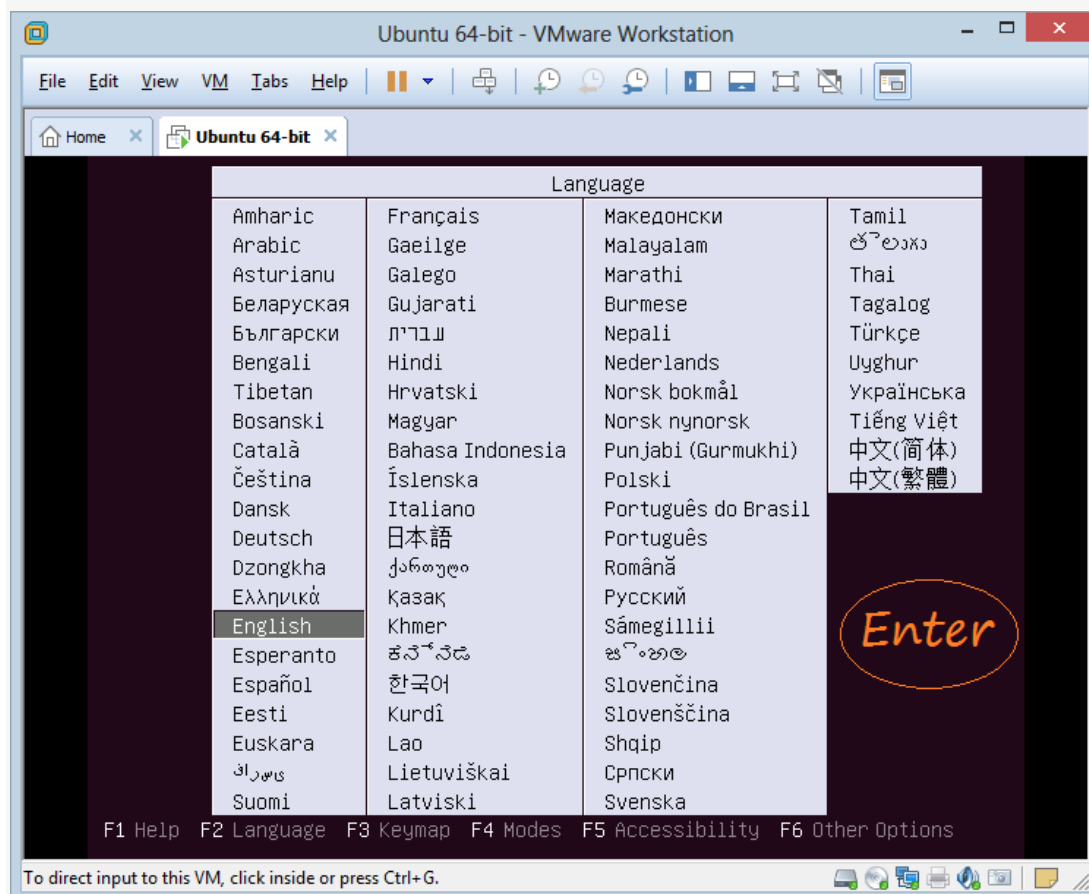
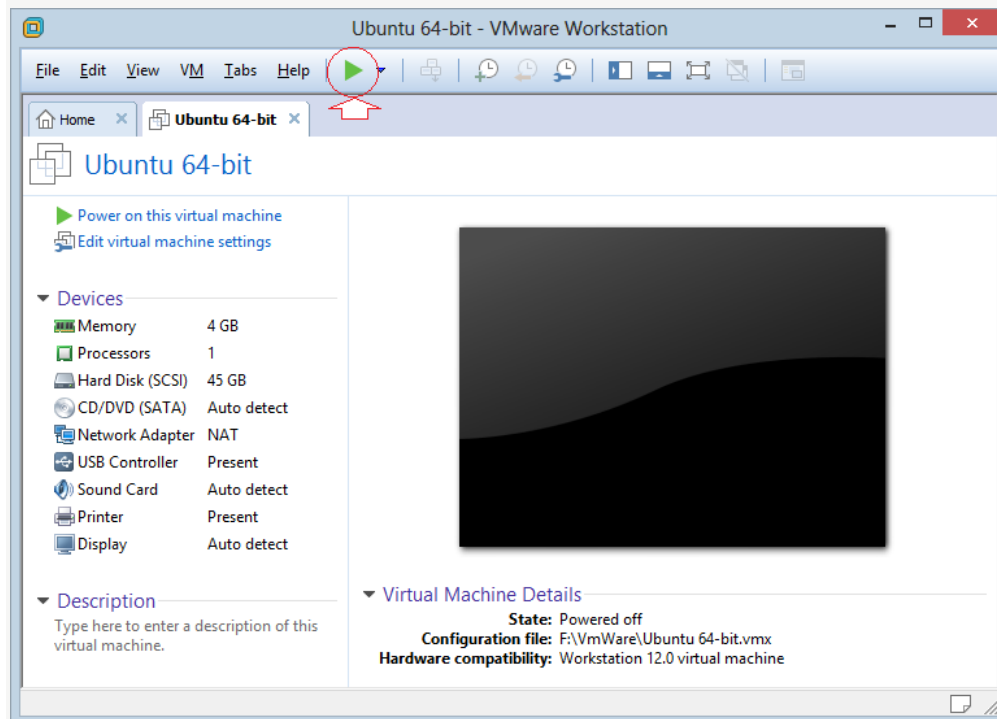


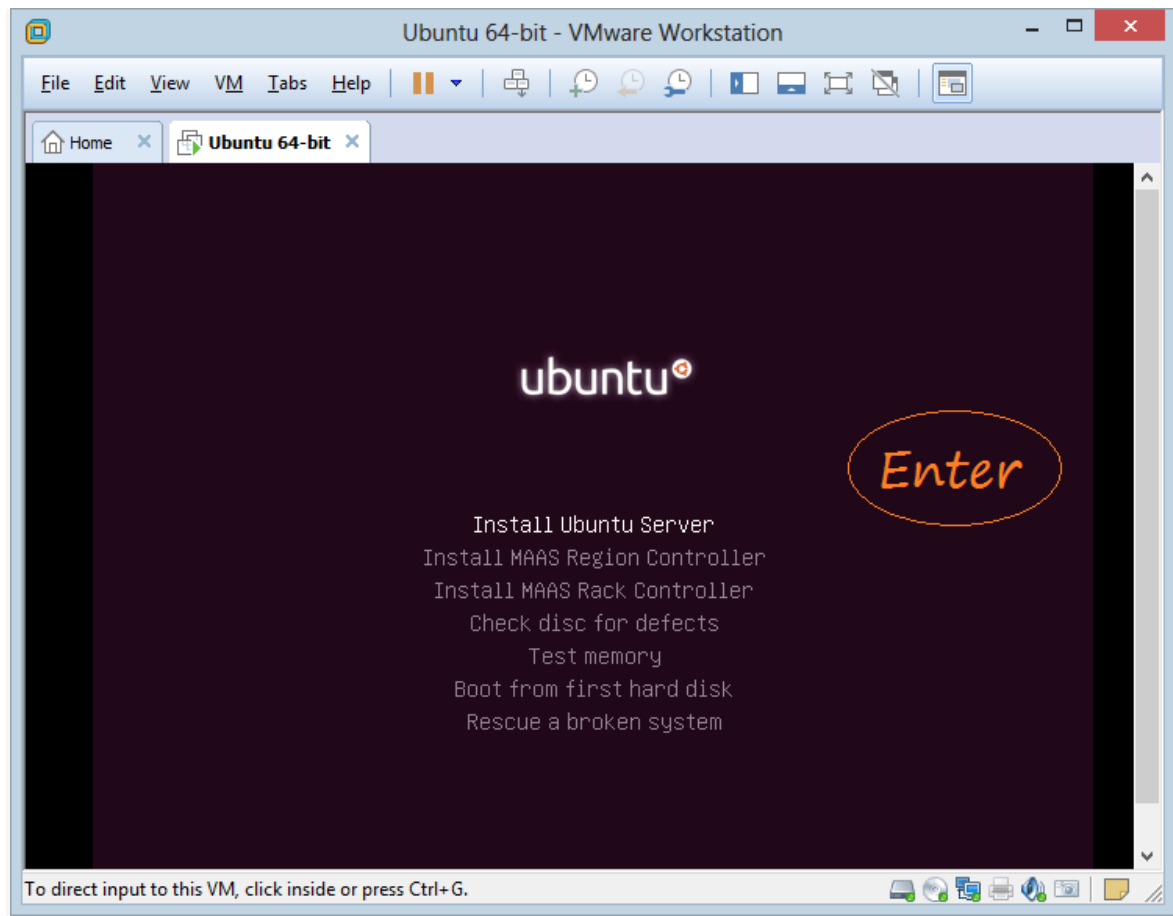


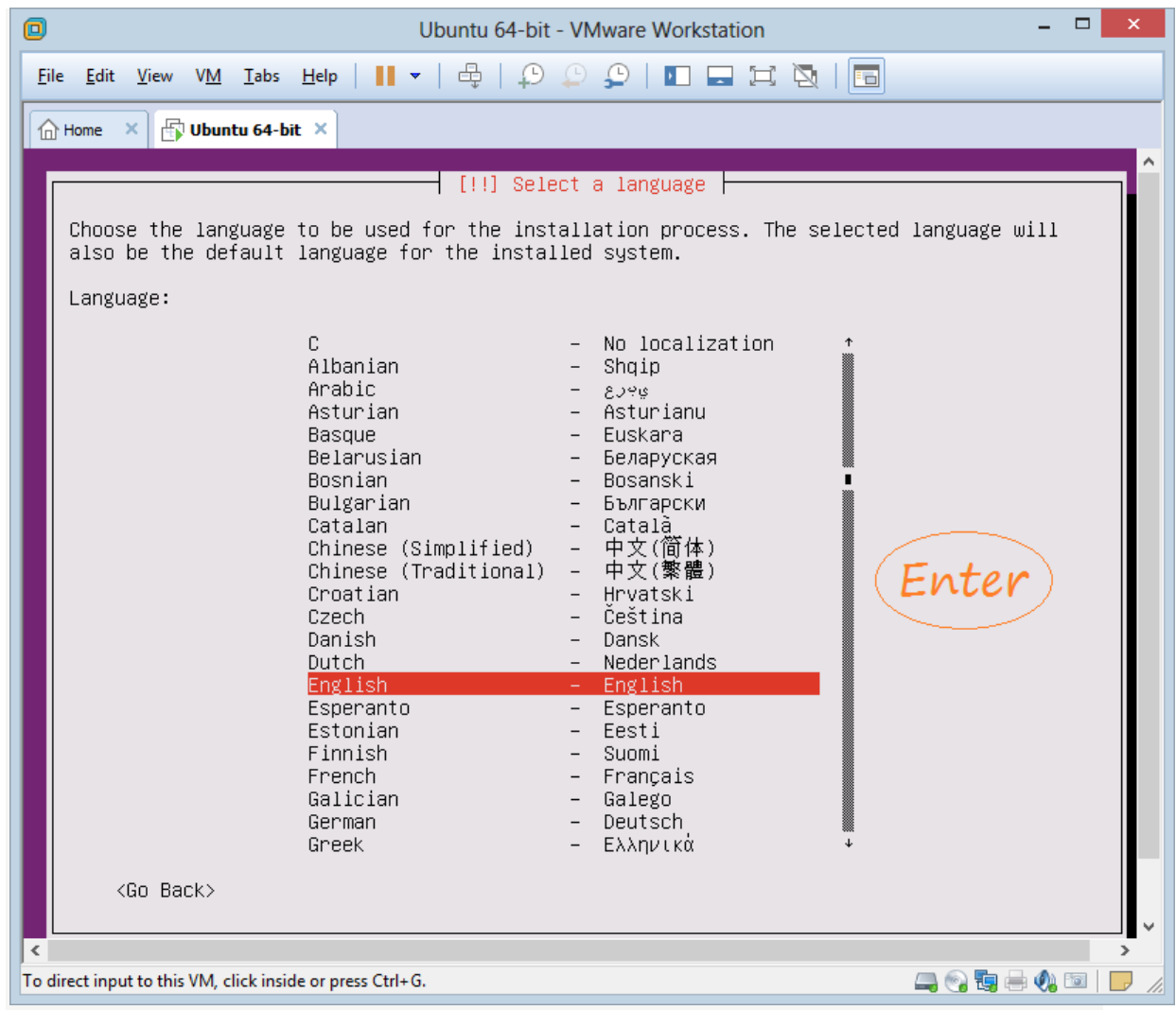
Trở tới vị trí file cài đặt **Ubuntu Server** mà bạn đã download trước đó.

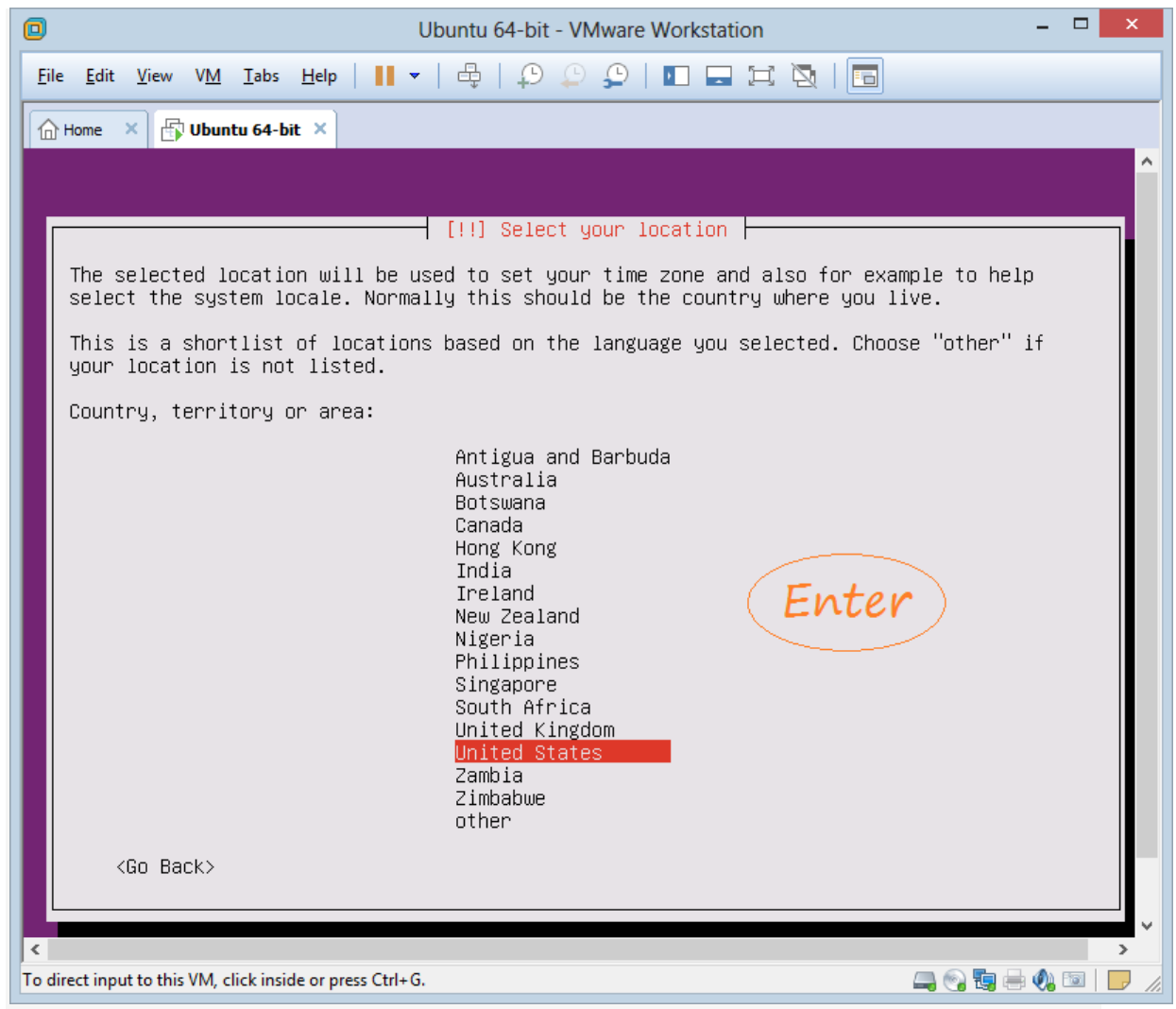


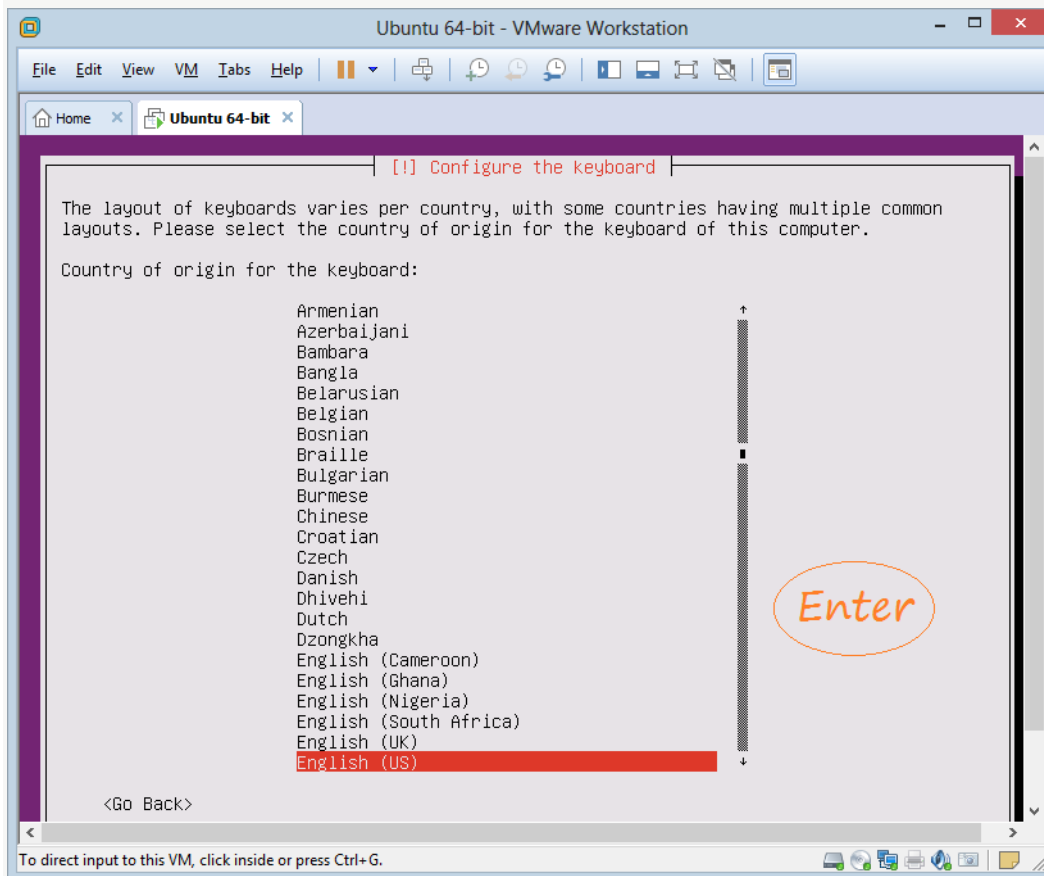
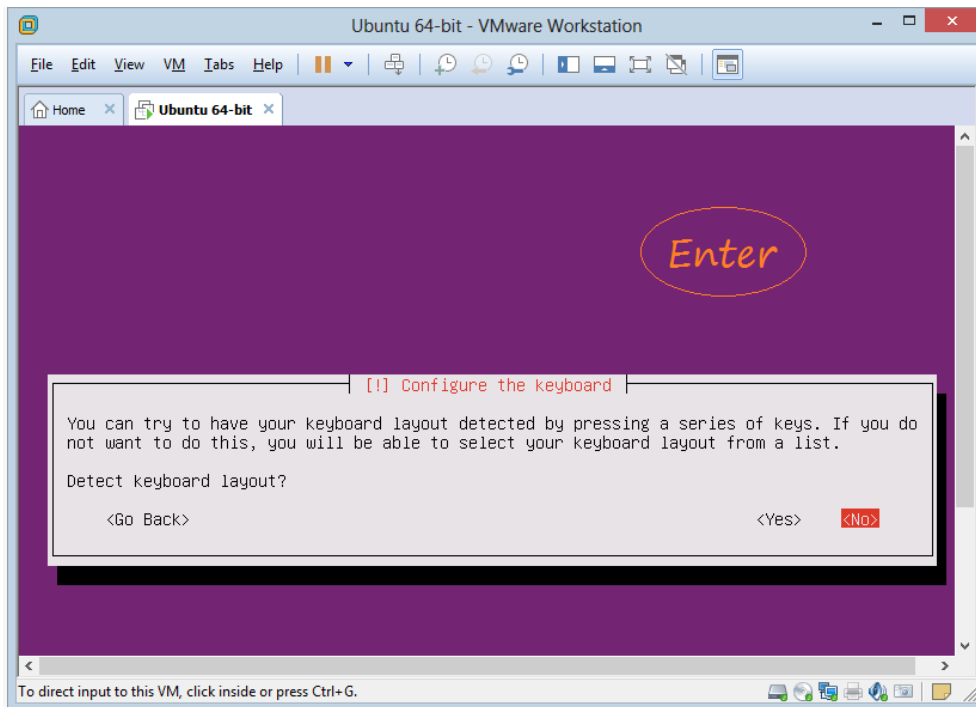
Bắt đầu cài đặt:

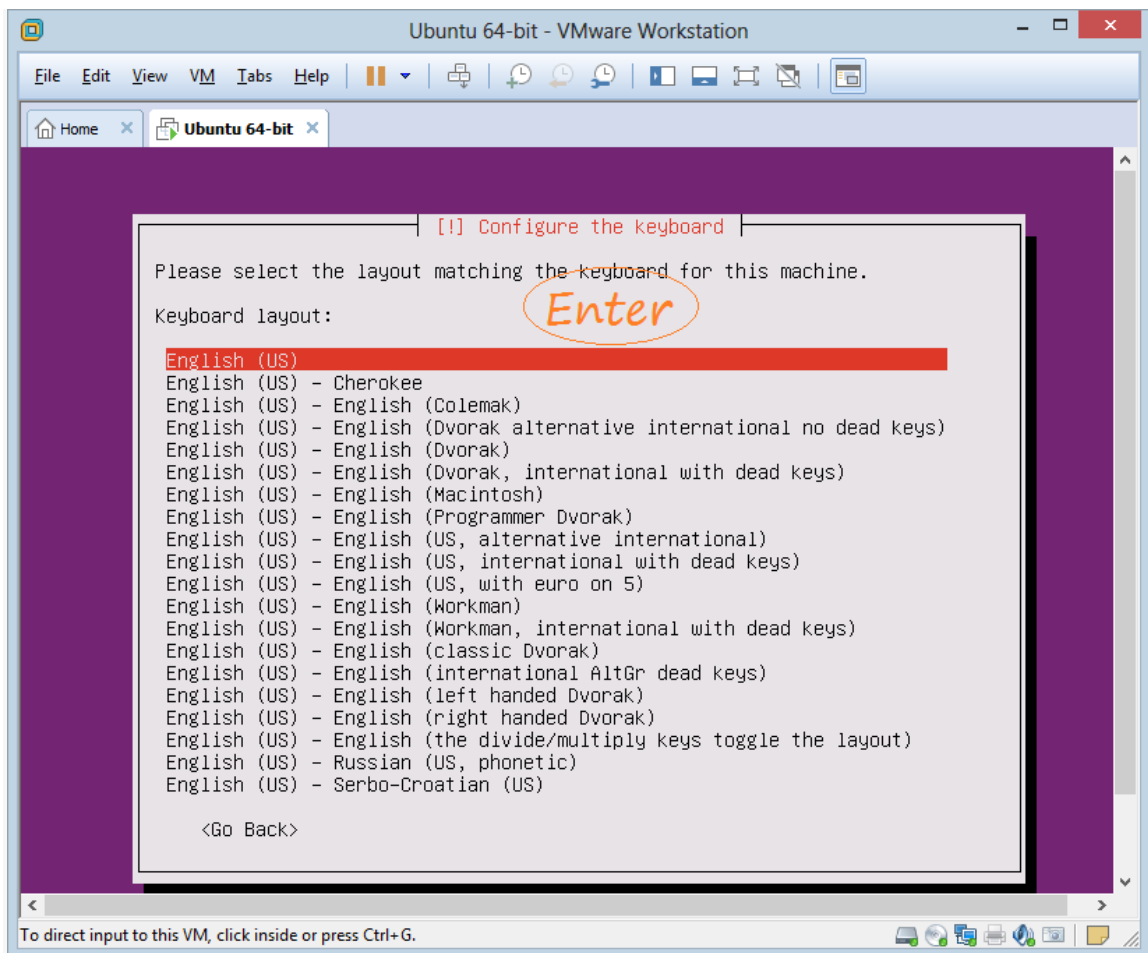




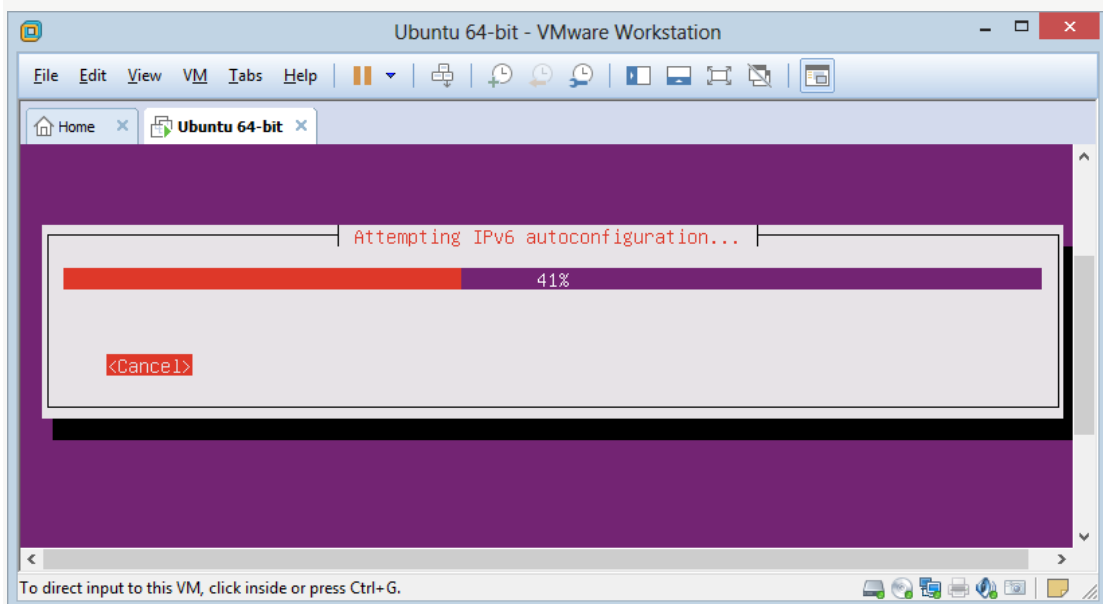




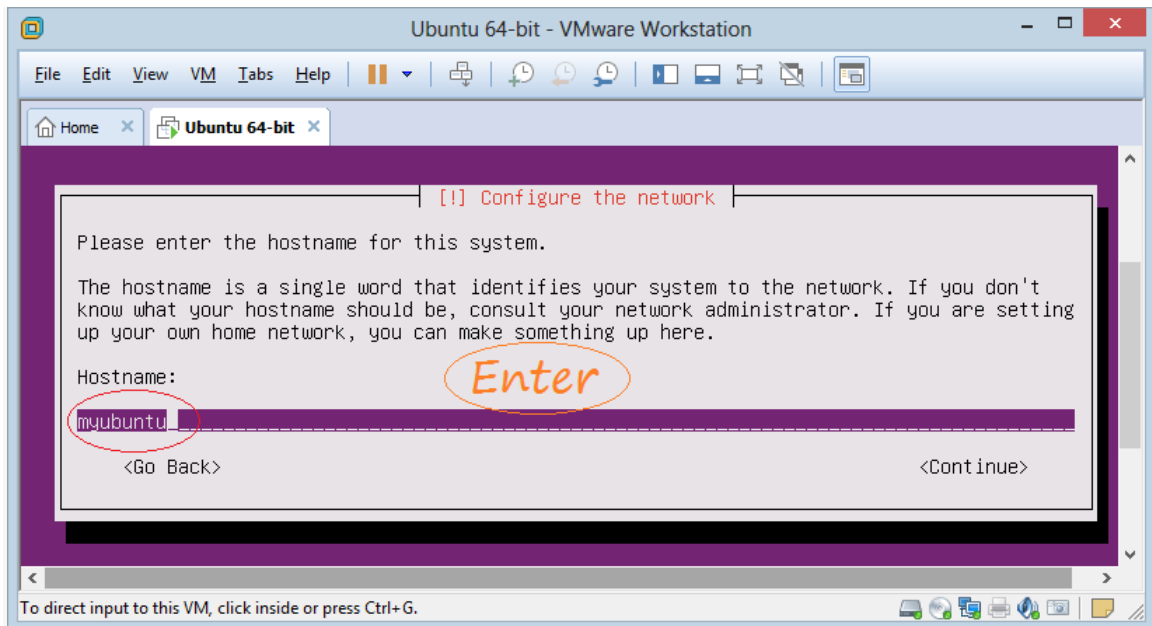




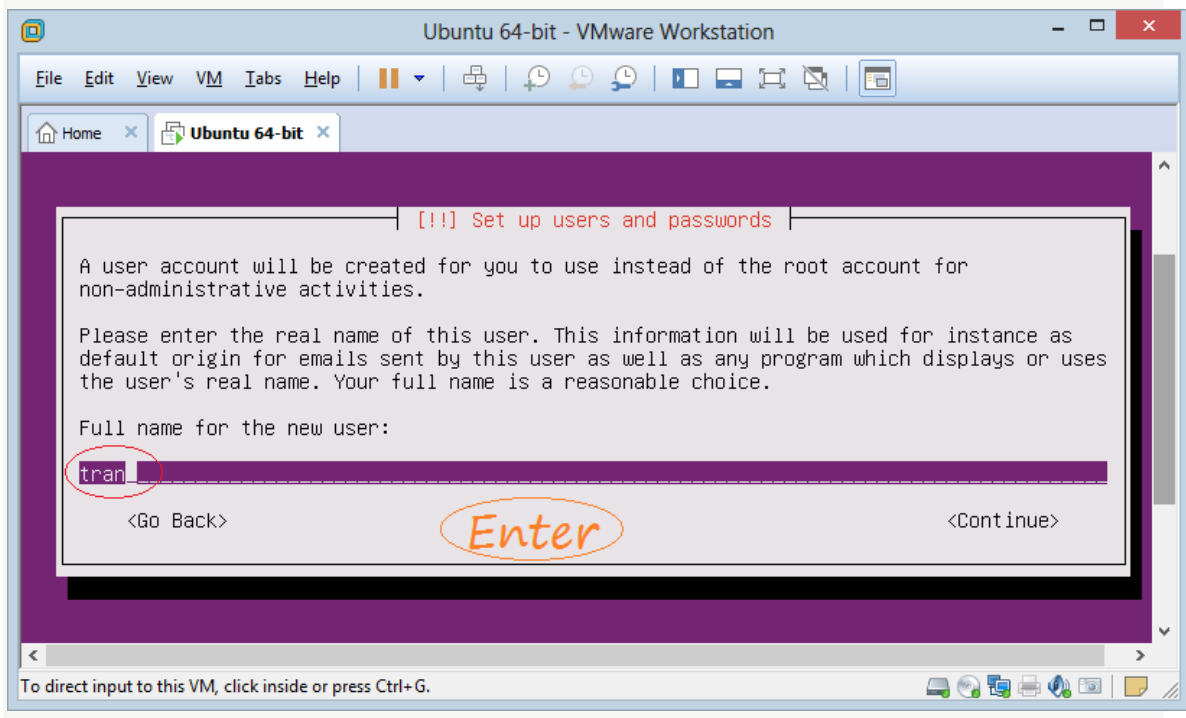
Ubuntu Server đang được cài đặt:

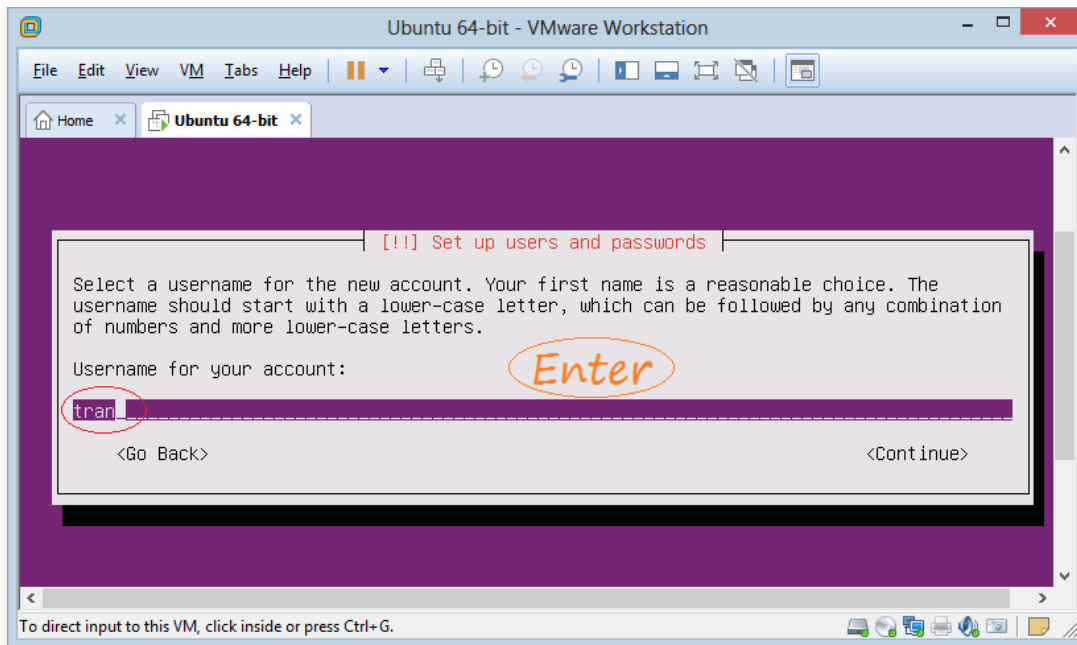


Tiếp theo đặt **hostname** (tên máy tính) cho **Ubuntu Server**, chẳng hạn **abc.com** hoặc **myubuntu**,...

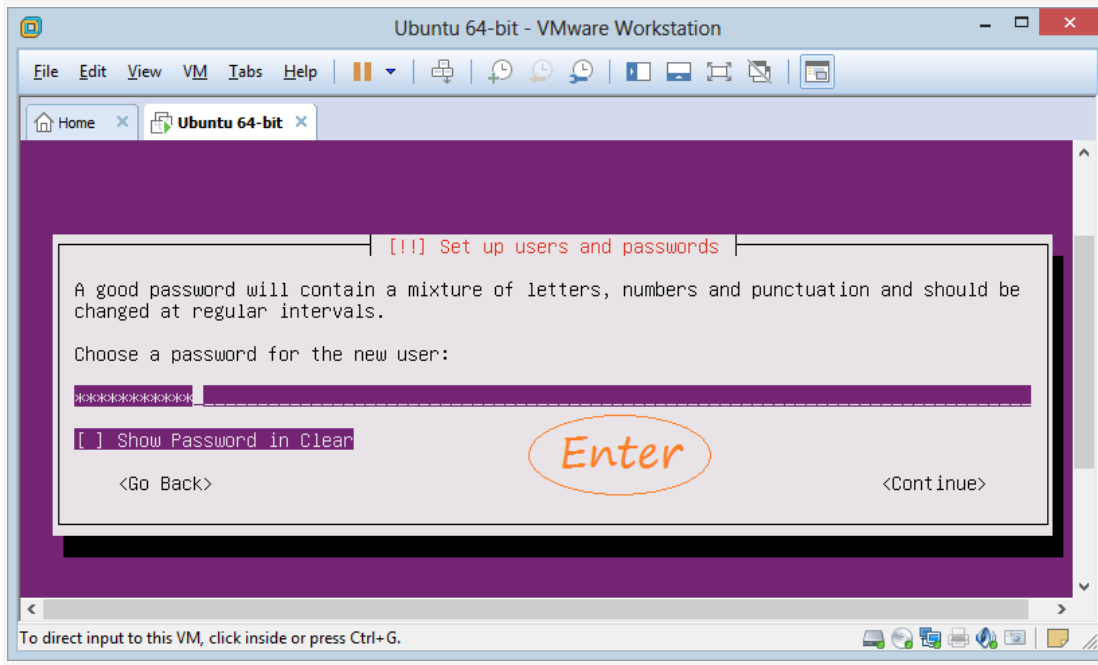


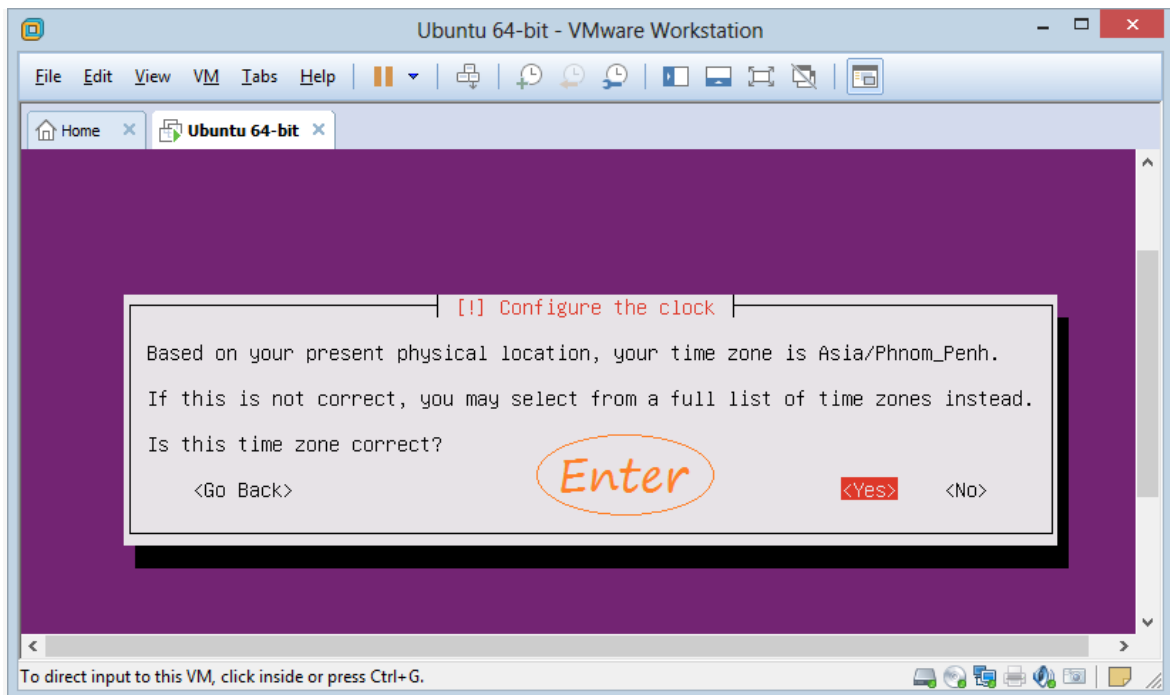
Tạo một user, user này sẽ sử dụng để đăng nhập vào hệ điều hành **Ubuntu** sau khi cài đặt xong.



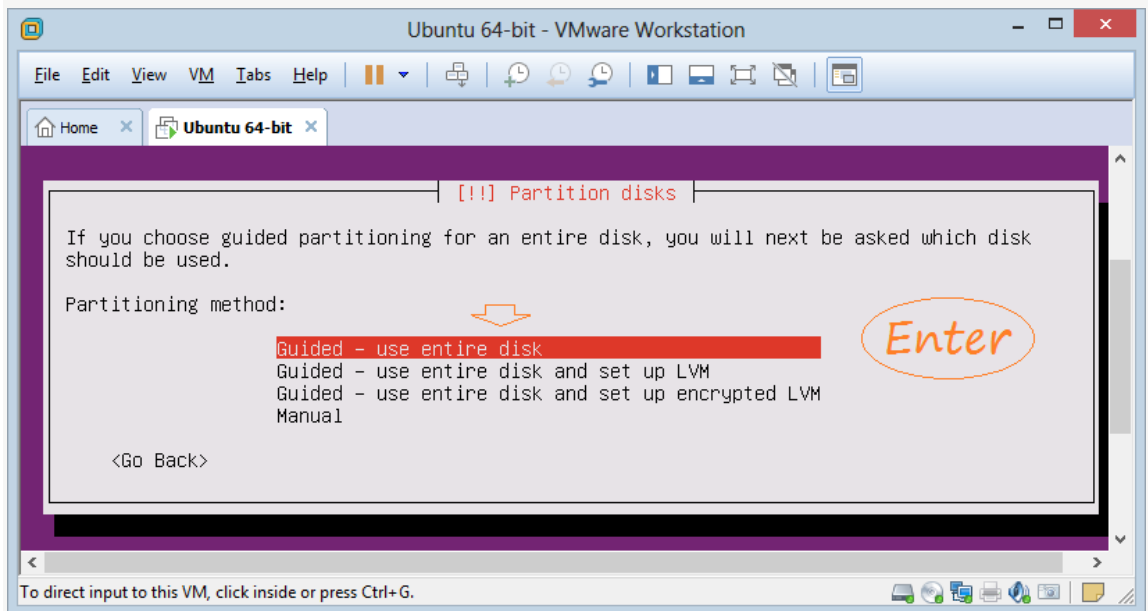


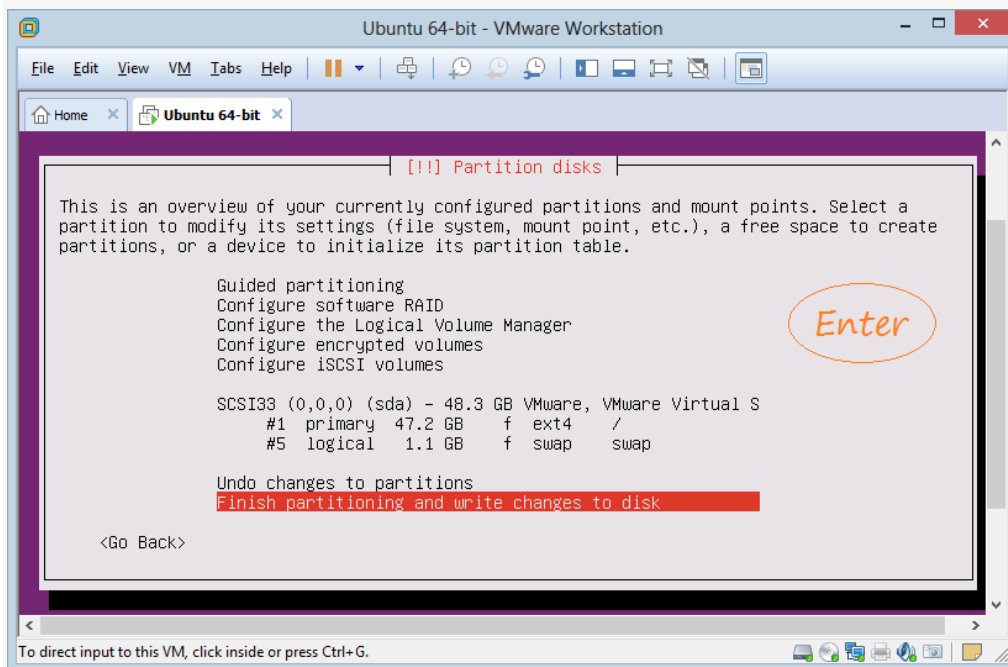
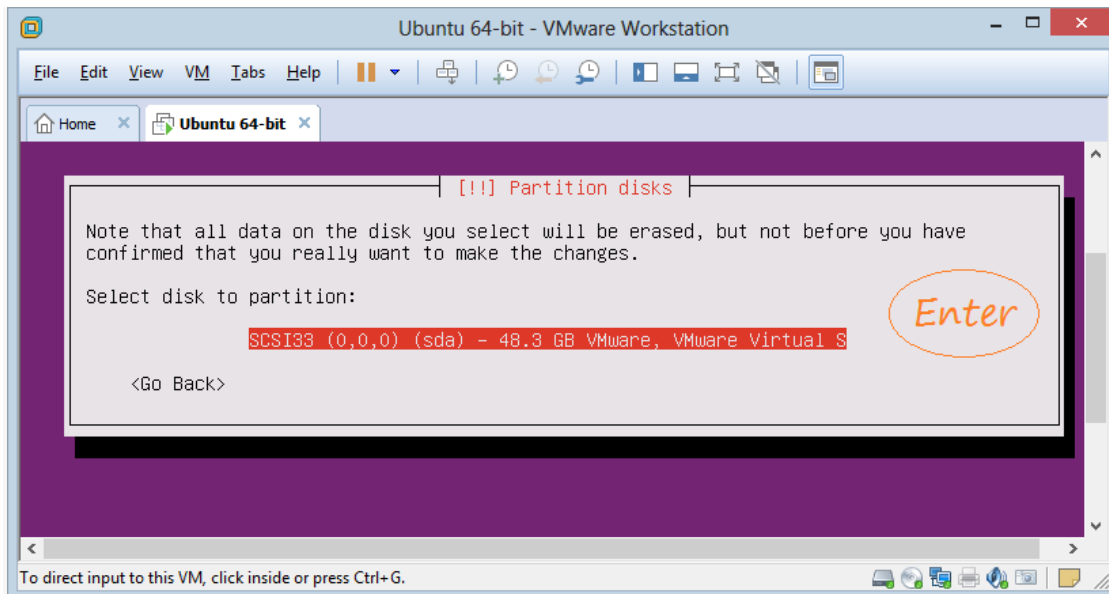
Nhập mật khẩu cho user.

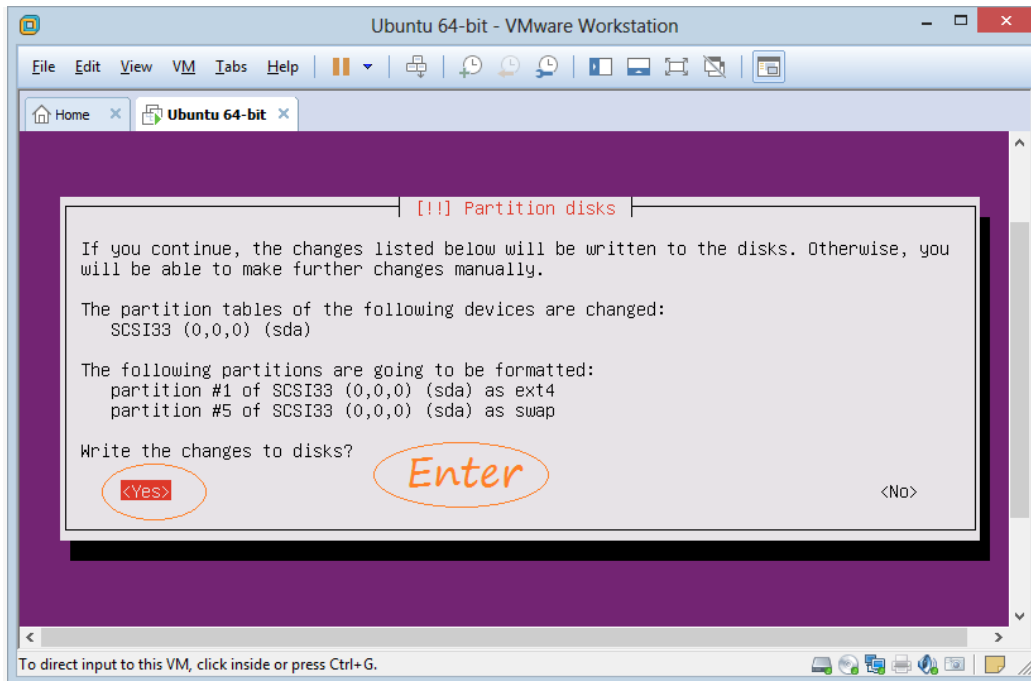




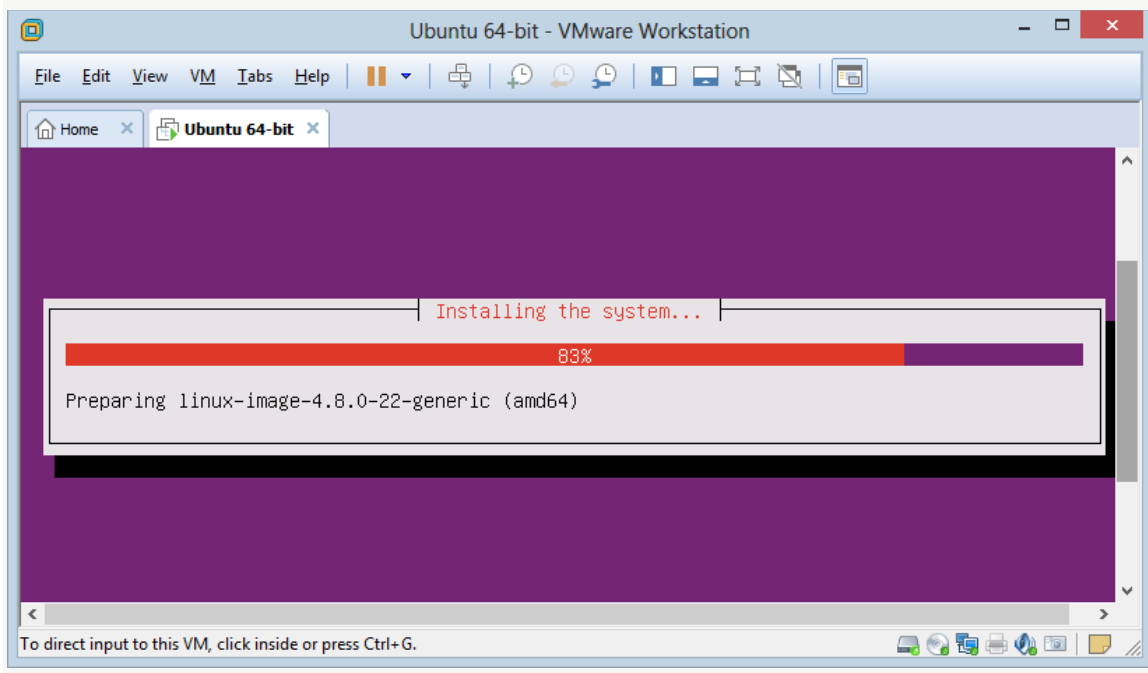
Cấu hình phân vùng ổ cứng.

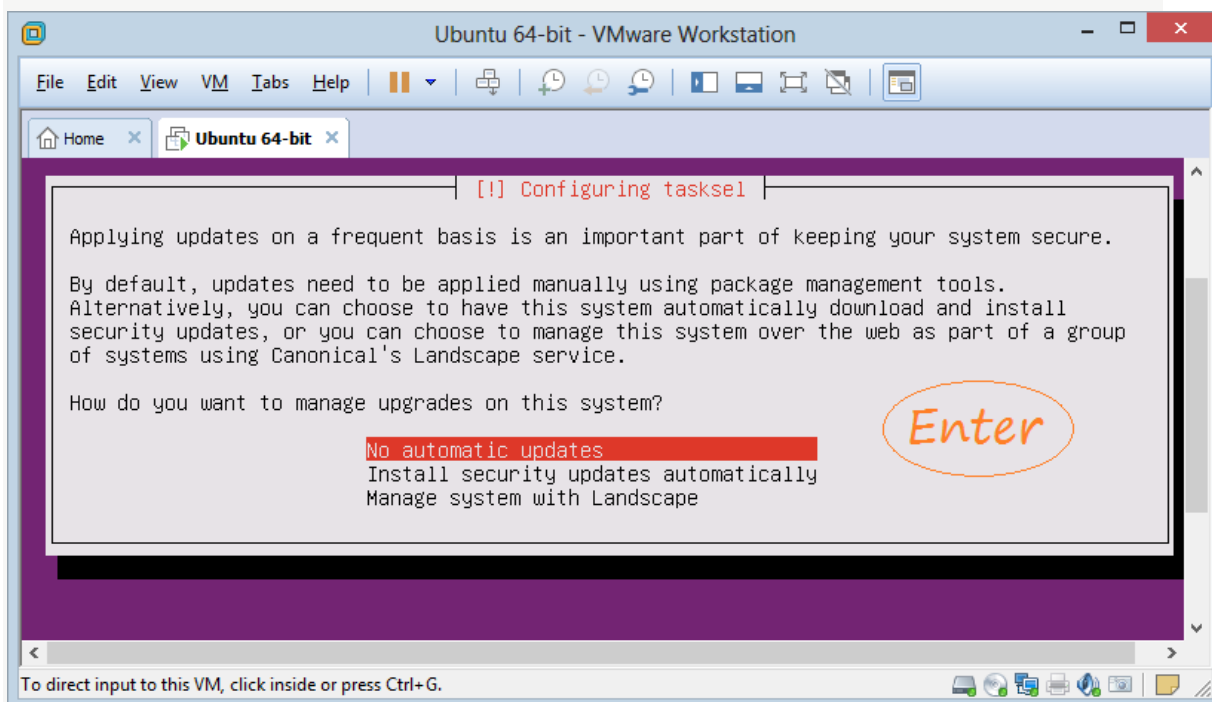
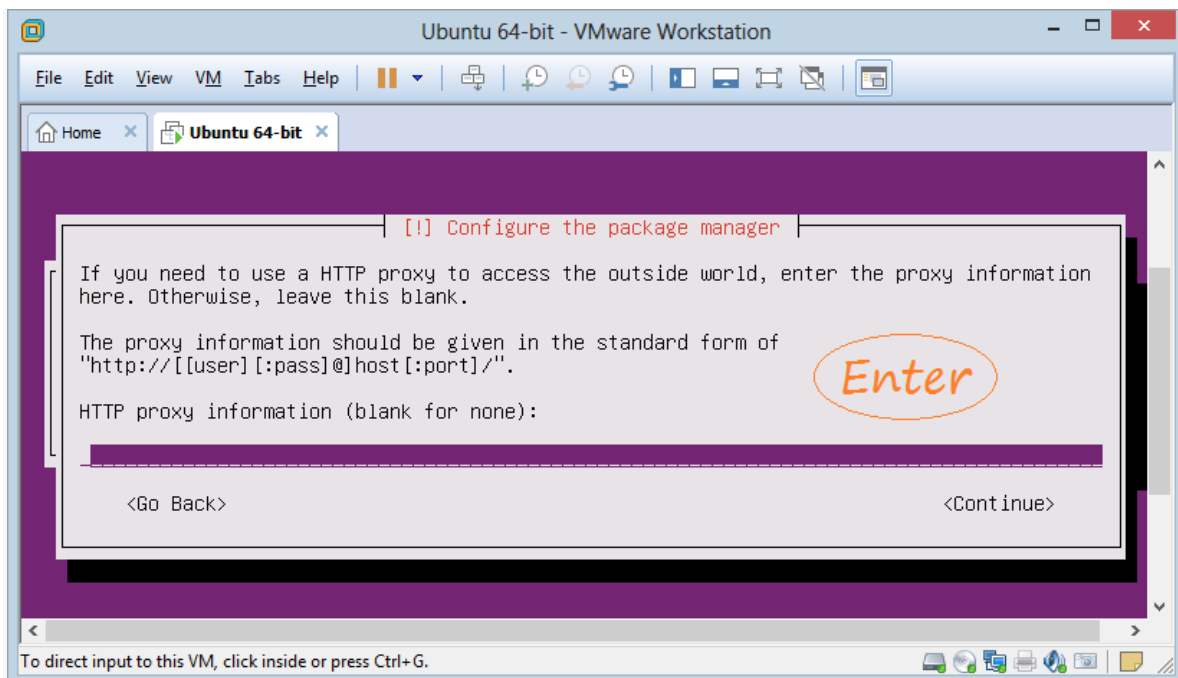




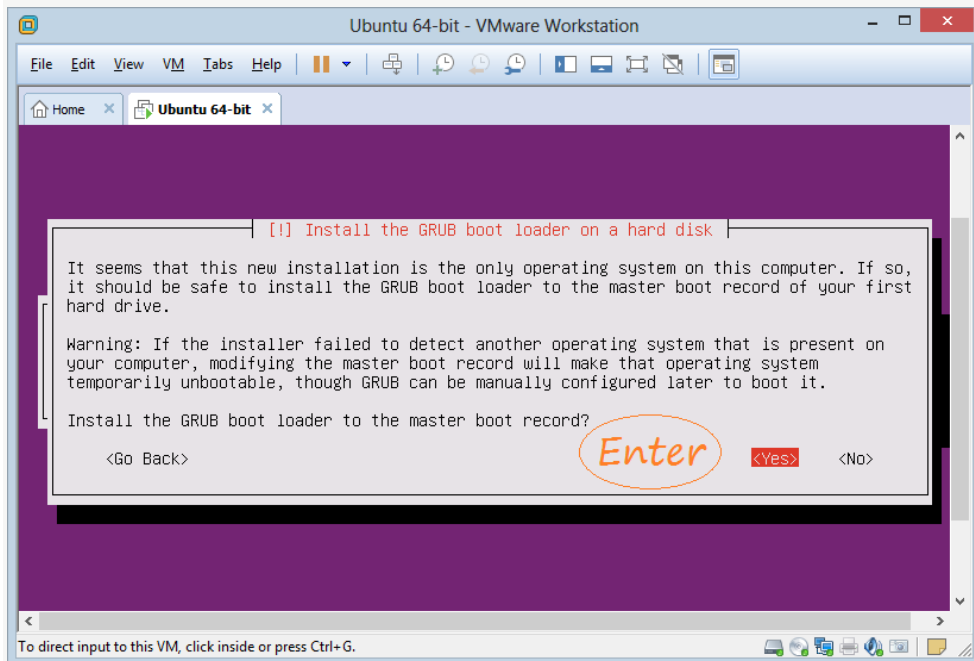
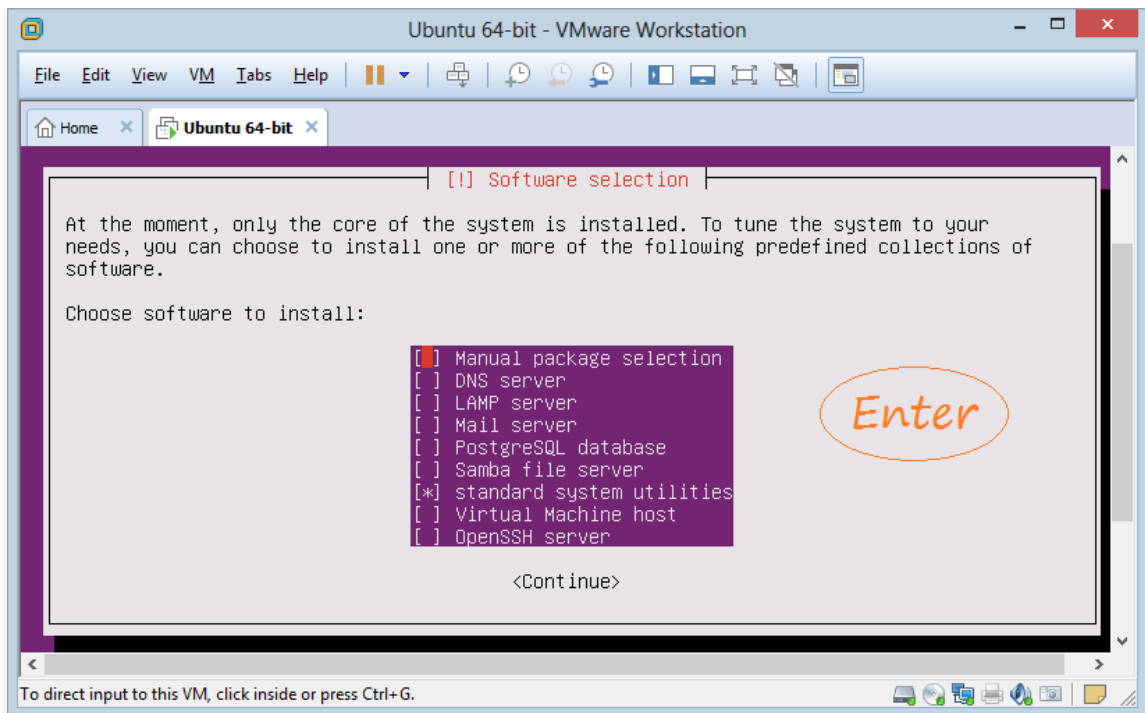


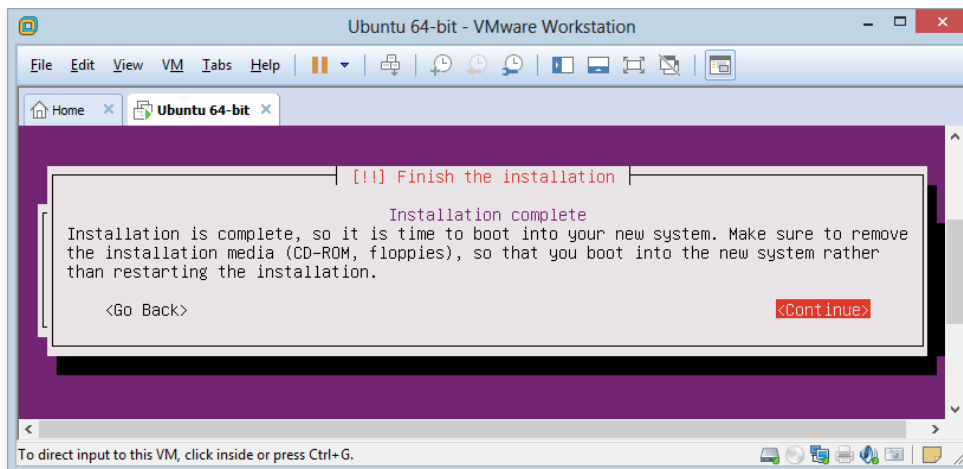
Ubuntu Server đang được cài đặt:





Tiếp theo có một vài tùy chọn bạn có thể cài đặt thêm, nó tùy thuộc vào mục đích sử dụng của bạn, chọn các phần mềm bạn muốn cài đặt thêm và nhấn Enter.

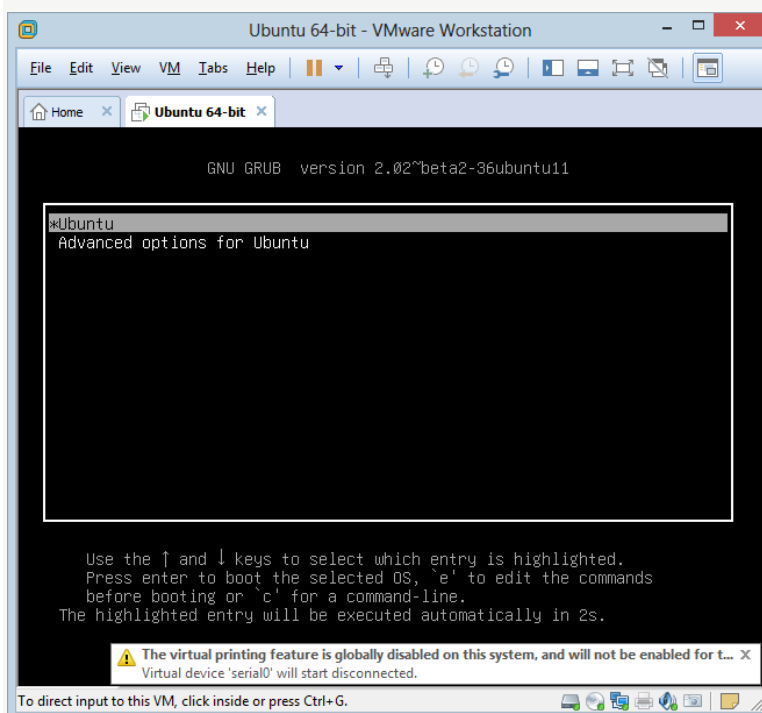




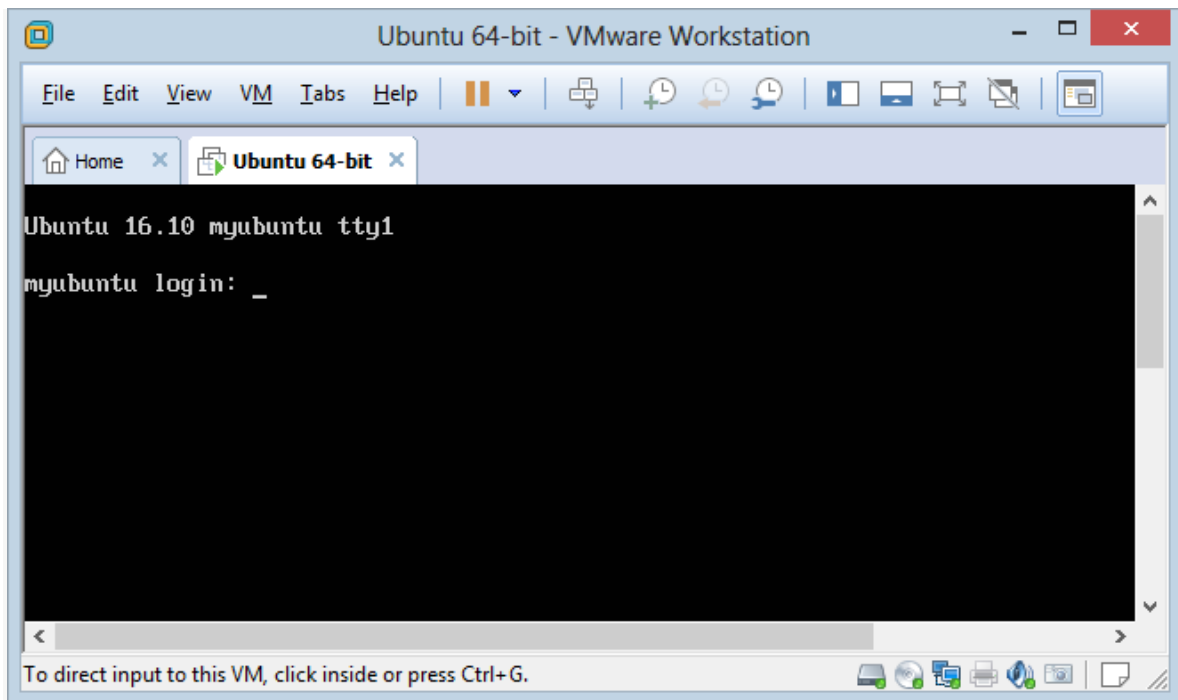
Lúc này bạn đã cài đặt **Ubuntu Server** thành công.

4- Sử dụng Ubuntu Server

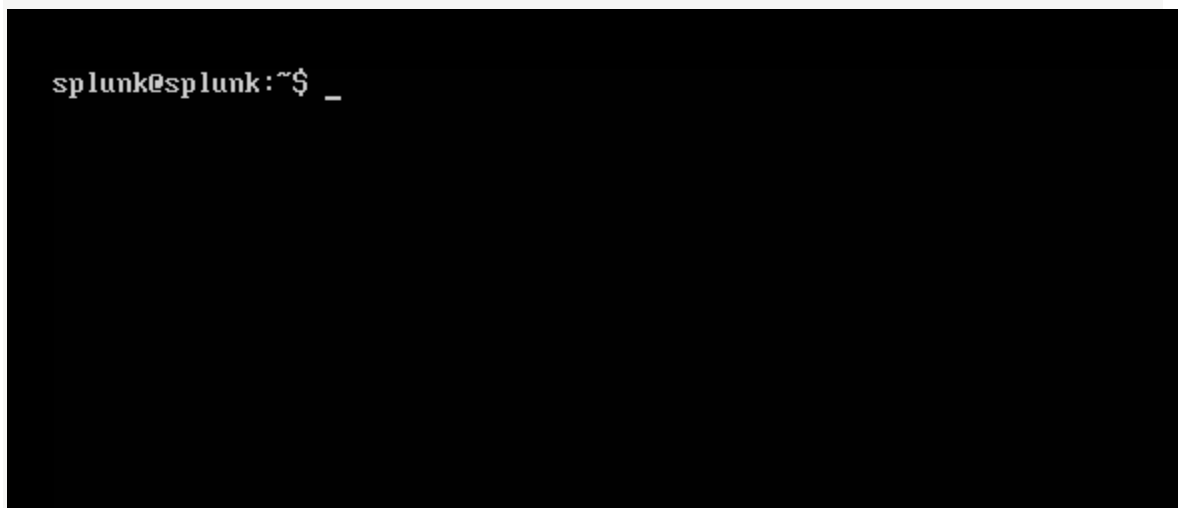
Sau khi cài đặt xong, hệ điều hành Ubuntu sẽ được khởi động:



Chú ý rằng **Ubuntu Server** không có giao diện người dùng, vì vậy bạn phải làm việc với nó thông qua các dòng lệnh (Command Line). Trước hết bạn cần đăng nhập vào hệ thống:



Đăng nhập thành công:



Ví dụ bạn có thể nhập vào dòng lệnh sau để kiểm tra phiên bản của hệ điều hành
Hoặc sử dụng lệnh "**ifconfig**" để kiểm tra địa chỉ **IP** của Server.

```
1110000/
splunk@splunk:~$ lsb_release -r
Release: 16.04
splunk@splunk:~$ ifconfig
ens33      Link encap:Ethernet  HWaddr 00:0c:29:8b:bc:3e
            inet addr:192.168.50.157  Bcast:192.168.50.255  Mask:255.255.255.0
            inet6 addr: fe80::20c:29ff:fe8b:bc3e/64 Scope:Link
            UP BROADCAST RUNNING MULTICAST  MTU:1500  Metric:1
            RX packets:232297 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
            TX packets:3686 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
            collisions:0 txqueuelen:1000
            RX bytes:16044297 (16.0 MB)  TX bytes:5446982 (5.4 MB)

lo         Link encap:Local Loopback
            inet addr:127.0.0.1  Mask:255.0.0.0
            inet6 addr: ::1/128 Scope:Host
            UP LOOPBACK RUNNING  MTU:65536  Metric:1
            RX packets:25438 errors:0 dropped:0 overruns:0 frame:0
            TX packets:25438 errors:0 dropped:0 overruns:0 carrier:0
            collisions:0 txqueuelen:1
            RX bytes:27178987 (27.1 MB)  TX bytes:27178987 (27.1 MB)
```